TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2020/Q□ST- DS	*Ứng H, ngày 11 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ- ƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết T hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

*** Nguyên đơn**: N hàng A. Trụ sở: 191 BT, phường LĐH, quận HBT, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ HA- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Việt T – Chức vụ: Cán bộ N hàng A. (*Theo giấy ủy quyền số 592- 03/2020/UQ-TCB ngày 30/6/2020*).

* **Bị đơn**:

- Ông Trần Quốc B, sinh năm 1970
- Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1975

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

* **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án**:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967;
- Ông Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1966;
- Chị Nguyễn TA, sinh năm 1991;
- Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1996;
- Anh Nguyễn Nguyễn HA, sinh năm 2005.

Đều có nơi ĐKHKTT: phố LL, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà H, chị Anh, anh Đ, anh An: Bà Đồng Thị Thúy T, sinh năm 1970;

Nơi ĐKHKTT: tập thể xuất khẩu, tổ dân phố 1, phường LK, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

(anh B ủy quyền cho chị N; ông K, bà H, chị Anh, anh Đ, anh An đều ủy quyền cho chị T; chị N, chị T và anh T đều có mặt).

2. Sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

2.1 Bị đơn vợ chồng ông Trần Quốc B bà Nguyễn Thị Kim N (sau đây gọi tắt là ông B bà N) xác nhận ngày 11/10/2011 có ký kết 01 hợp đồng tín dụng trung, dài hạn vay vốn N hàng A – Trung tâm giao dịch Hội Sở (sau đây gọi tắt là N hàng), cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11564/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO vay số tiền 2.000.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng thế chấp bất động sản. Cùng ngày vợ chồng ông B bà N cùng N hàng ký kết thêm 01 phụ lục hợp đồng tín dụng về lịch trả nợ và vợ chồng ông Bản bà N đã nhận giải N từ N hàng tổng số tiền 2.000.000.000 đồng như đã nêu trên theo khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 11564. Ngoài ra, trong Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kiêm cam kết trả nợ đều có các thỏa thuận khác như T hạn vay, lãi suất, thay đổi lãi suất, tài sản B đảm…. và các thỏa thuận khác. Ông B bà N xác nhận hiện còn nợ N hàng số tiền tính đến ngày 05/5/2020 nh- sau:

- Nợ gốc :1.966.664.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn : 1.997.931.218 đồng;
- Nợ lãi quá hạn : 1.192.749.636 đồng

Tổng cộng : 5.157.344.854 đồng *(Năm tỷ một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi tư đồng).*

2.2 Các bên thoả thuận về T hạn, ph- ơng thức thanh toán nh- sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 11/8/2020 vợ chồng ông B bà N phải thanh án cho N hàng Techcombank tổng số tiền 5.157.344.854 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.966.664.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.997.931.218 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.192.749.636 đồng (*tiền lãi tạm tính đến ngày 05/5/2020*).

- Toàn bộ số tiền khi ụng B bà N thanh toán, N hàng thu vào nợ gốc tr- ớc.

- Trường hợp ông B bà N trả nợ theo đúng thỏa thuận nêu trên thì N hàng sẽ xem xét giảm một phần tiền nợ lãi cho ông B bà N.

- Về lãi suất : Kể từ ngày 06/5/2020 bị đơn tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết *(Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân*

hàng) trên số d- nợ gốc t-ơng ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

- Nếu bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận thanh toán nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng thửa đất số 565, tờ bản đồ số 12, diện tích là 177 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn HX, xã Liên Bạt (nay là thị trấn VĐ), huyện UH, TP. Hà Nội, GCNQSD đất số T 364035; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 01851 do Chủ tịch UBND huyện UH cấp ngày 11/5/2004 cho hộ ông Nguyễn Mạnh K, Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 4344.2011/HĐTC-TCB ngày 11/10/2011 của Văn Phòng Công chứng Thăng Long, đã đăng ký giao dịch B đảm ngày 11/10/2011.

- Tr-ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả N hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí dân sự là 28.289.500 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 56.579.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm; được miễn giảm 50%, số tiền án phí dân sự sơ thẩm, vợ chồng ông B bà N còn phải nộp là 42.434.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng chẵn).*

Hoàn trả Ngân hàng A 49.513.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng chẵn)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009611 ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện □ng Hoà.

3. Tr-ờng hợp quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;

- Chi cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án; v/p.

Nguyễn Văn Thiện